

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN G  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2020/ HNGĐ-ST

Ngày: 29 tháng 10 năm 2020

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH GIA LAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn Đình

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Như Quang

2. Ông Nguyễn Văn Hoàng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đình Thành Long - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:**  
Bà Lê Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 92/2020/TLST-HNGĐ ngày 26-8-2020 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30-9-2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Bùi Xuân A; Địa chỉ nơi cư trú: Tổ dân phố N, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai; Vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Đỗ Thị Q; Địa chỉ nơi cư trú: 242 H, tổ dân phố N, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai; Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Nguyên đơn Bùi Xuân A trình bày:

- Về hôn nhân: Ông Bùi Xuân A và bà Đỗ Thị Q có tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Gia Lai (nay là xã H, huyện G, tỉnh Gia Lai) vào ngày 13-12-1979. Trong quá trình chung sống với nhau, vợ chồng không hợp nhau về tính cách nên thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc. Thời gian gần đây, vợ chồng càng ngày càng trầm trọng hơn do mâu thuẫn trong làm ăn kinh tế gia đình. Ông A thấy đã lớn tuổi nên nói với bà Q giao lại công việc làm ăn cho các con để nghỉ ngơi nhưng bà Q không chịu. Ông A đã nhiều lần trao đổi với bà Q nhưng bà Q vẫn không thay đổi ý kiến, do vậy ông A đã họp gia đình, giao lại toàn bộ tài sản mà vợ chồng đã tạo lập được cho bà Q và các con, không dính dáng đến công việc làm ăn kinh tế của gia đình nữa. Ông A thấy vợ chồng không còn tiếng nói chung, quan điểm của mình không được tôn trọng, mâu thuẫn hết sức trầm trọng, không thể sống chung với bà Q được nữa nên yêu cầu ly hôn với bà Q.

- Về con chung: Ông Bùi Xuân A và bà Đỗ Thị Q có 04 con chung là Bùi Anh T, sinh năm 1981; Bùi Anh T1, sinh năm 1982; Bùi Anh T2, sinh năm 1984 và Bùi Anh T3, sinh năm 1986. Các con hiện đều đã thành niên, có khả năng lao động nên ông An không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về chia tài sản chung: Ông Bùi Xuân A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng để triệu tập bị đơn là bà Đỗ Thị Q đến làm việc liên quan đến vụ án nhưng bà Đỗ Thị Q từ chối nhận văn bản tố tụng, cố tình trốn tránh, không có mặt theo Giấy triệu tập. Do vậy, hồ sơ không có lời khai của bà Đỗ Thị Q.

3. Trong quá trình giải quyết vụ án, đương sự đã giao nộp và Tòa án đã thu thập các tài liệu, chứng cứ gồm: 01 Đơn xin xác nhận; 02 bản sao Giấy chứng minh nhân dân của ông Bùi Xuân A và bà Đỗ Thị Q; 04 bản phô tô Giấy chứng minh nhân dân của Bùi Anh T, Bùi Anh T1, Bùi Anh T2 và Bùi Anh T3; 01 bản sao Giấy chứng nhận kết hôn của ông Bùi Xuân A và bà Đỗ Thị Q; 01 Bản tự khai, 01 đơn đề nghị và 01 đơn xin xét xử vắng mặt của ông Bùi Xuân A; 01 Biên bản xác minh ngày 26-8-2020 của Tòa án.

4. Phát biểu ý kiến, đại diện Viện kiểm sát khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án; Đối với nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập đến phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt họ; Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ly hôn giữa ông Bùi Xuân A và bà Đỗ Thị Q.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Đối với nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập đến phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2] Về hôn nhân: Ông Bùi Xuân A và bà Đỗ Thị Q có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Gia Lai (nay là xã H, huyện G, tỉnh Gia Lai) vào ngày 13-12-1979. Ông Bùi Xuân A và bà Đỗ Thị Q kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Hội đồng xét xử thấy rằng, trong thời gian sống chung với nhau, vợ chồng ông Bùi Xuân A và bà Đỗ Thị Q không hợp nhau về tính cách nên thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc. Thời gian gần đây, vợ chồng không còn tiếng nói chung trong làm ăn kinh tế cũng như giải quyết các vấn đề khác trong gia đình, không còn tiếp tục chung sống với nhau. Bà Đỗ Thị Q không tham gia các phiên hòa giải để đoàn tụ và tại phiên tòa cũng vắng mặt, điều đó cho thấy bà Đỗ Thị Q không chấp hành đúng quy định của pháp luật, không thực sự có thiện chí mong muốn được Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Như vậy, có đủ căn cứ để khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Bùi Xuân A và bà Đỗ Thị Q đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Bùi Xuân A.

[3] Về con chung: Ông Bùi Xuân A và bà Đỗ Thị Q có 04 con chung là Bùi Anh T, sinh năm 1981; Bùi Anh T1, sinh năm 1982; Bùi Anh T2, sinh năm 1984 và

Bùi Anh T3, sinh năm 1986. Các con hiện đều đã thành niên, có khả năng lao động, ông Bùi Xuân A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia tài sản chung: Ông Bùi Xuân A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Ông Bùi Xuân A là người khởi kiện nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về việc ly hôn.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng các Điều 144, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;  
- Áp dụng các Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.  
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa ông Bùi Xuân A và bà Đỗ Thị Q.

2. Về án phí: Buộc ông Bùi Xuân A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0006132 ngày 26-8-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai. Ông Bùi Xuân A đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo Bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản hoặc bản án được niêm yết.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn K;
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(ĐÃ KÝ)**

**Lê Văn Đính**